

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----**

Số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28/8/2019

*V/v Ly hôn giữa chị H và anh
N*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Kim Vân

2. Ông Nguyễn Hiếu Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1993

Bị đơn: Anh Nguyễn Như N, sinh năm 1986

Cùng trú tại: Thôn T, xã M, huyện T, TP. H

Các đương sự có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Phạm Thị Thu Hà trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 22 tháng 6 năm 2016, chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Như N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, TP. H trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, chị H và anh nghĩa sống cùng với bố mẹ anh N tại thôn T, xã M, huyện T,

Thành phố H. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận và hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do anh Nghĩa không quan tâm, chăm sóc mẹ con chị Hà. Chị H và anh N đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 9/2018. Chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh N nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Như N có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 22/8/2018. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi cháu D và không yêu cầu anh N phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản vợ chồng: Chị Phạm Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, chị H đang làm việc tại Công ty cổ phần B có thu nhập 10.500.000 đồng/tháng.

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, anh Nguyễn Như N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Như N và chị Phạm Thị Thu H kết hôn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn ngày 22/6/2016, tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, Thành phố H. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên anh N và chị H thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn phát sinh trầm trọng từ cuối năm 2018. Anh N và chị H đã ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 9/2018. Do anh N không còn tình cảm với chị H nên anh N đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Nguyễn Như N và chị Phạm Thị Thu H có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 22/8/2018. Cháu D ở cùng với bố mẹ anh từ nhỏ nên khi ly hôn, anh N có nguyện vọng nuôi cháu D và không yêu cầu chị H phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh Nguyễn Như N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, anh N kinh doanh tự do, có thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/tháng. Do kinh doanh tự do nên anh N không cung cấp được tài liệu chứng minh thu nhập thực tế của mình cho Tòa án.

Qua xác minh tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã M cung cấp: Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Như N đăng ký kết hôn ngày 22/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã

M, huyện T, TP. H. Do mâu thuẫn phát sinh và không tự hòa giải được nên chị H đã nộp đơn xin ly hôn anh N tại Ủy ban nhân dân xã M, Ủy ban nhân dân xã M đã tiến hành hòa giải để chị H, anh N đoàn tụ nhưng không thành do chị H và anh N đều muốn ly hôn. Chị H và anh N có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 22/08/2018. Cháu D đang sống cùng anh N. Về tài sản chung của vợ chồng: Quá trình hòa giải tại xã, thôn chị H và anh N không đề nghị gì. Để đảm bảo quyền, lợi ích cho các đương sự trong vụ án, Ủy ban nhân dân xã M đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Như N; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 22/8/2018 cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N có quyền thăm nom chung không ai được cản trở; Về tài sản chung: Do chị H và anh N không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, chị Phạm Thị Thu H đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn và các vấn đề khác với anh Nguyễn Như N, sinh năm 1985, có địa chỉ tại thôn T, xã M, huyện T, TP. H nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T

theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

3] Về nội dung vụ án:

3.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Như N đăng ký kết hôn ngày 22/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, TP. H. Chị H và anh N kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục của địa phương nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, chị H và anh N đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do sự bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên anh N và chị H đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 9/2018.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị Thu H với anh Nguyễn Như N căng thẳng từ lâu, cả hai đã chấm dứt quan hệ tình cảm và sống ly thân được một năm, chị H và anh N không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và anh N cũng nhất trí ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh N là đúng pháp luật.

3.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Như N có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 22/8/2018. Khi ly hôn, cả chị H và anh N đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu nhau phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị H và anh N đều chính đáng. Cả chị H và anh N đều có điều kiện kinh tế để đảm bảo cuộc sống vật chất cho cháu D. Tuy nhiên, cháu D còn nhỏ, mới hơn 1 tuổi và là con gái nên cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do vậy, căn cứ Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu D cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

3.3] Về đóng góp phí tổn nuôi con chung: Chị Phạm Thị Thu H không yêu cầu anh Nguyễn Như N phải đóng góp phí tổn nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp

phí tổn nuôi con chung của anh Nguyễn Như N đối với cháu Nguyễn Ngọc D cho đến khi có thay đổi khác.

3.4] Về tài sản vợ chồng: Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Như N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3.5] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về tranh chấp ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

3.6] Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Như N có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Như N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 22/8/2018 cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc D đủ 18 hoặc khi có thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung sau khi ly hôn của anh Nguyễn Như N đối với cháu Nguyễn Ngọc D cho đến khi có thay đổi khác.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn của anh Nguyễn Như N được pháp luật bảo đảm.

3. Về tài sản của vợ chồng: Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Như N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai số AB/2015/0007240 ngày 14/5/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện T;*
- *Ủy ban nhân dân xã M;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Hòa